

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Nguyễn Hoài Nam

*Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Chất lượng đào tạo nghiệp vụ sư phạm đã tạo nên thương hiệu của khoa Sư phạm Kỹ thuật nói riêng và trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung. Trên cơ sở phân tích hiện trạng đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên khoa Sư phạm Kỹ thuật, bài báo đã đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường chất lượng đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

**Từ khóa:** Nghiệp vụ sư phạm, sư phạm kỹ thuật, đào tạo.

### 1. Mở đầu

Trường ĐHSPT Hà Nội thực hiện đào tạo theo chuyên ngành riêng biệt. Khác với các trường đại học đào tạo trình độ tương đương, sinh viên (SV) được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) ngay trong quá trình đào tạo.

Mô hình đào tạo nghề hiện tại của khoa Sư phạm Kỹ thuật (SPKT) nói riêng, trường ĐHSPT Hà Nội nói chung có vẻ khá hợp lí khi thời gian dành cho hoạt động NVSP tăng dần từ năm đầu tới năm cuối. So với các trường khác, thời lượng dành cho NVSP là ưu việt hơn hẳn, song nhìn vào thực tế, chất lượng vẫn còn nhiều điều đáng bàn. Chính vì vậy đòi hỏi cần phải có những phân tích, tìm giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ của sinh viên sư phạm.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Hiện trạng hoạt động NVSP của sinh viên SPKT

Sinh viên năm thứ nhất được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong tuần dịp 20 - 11 hàng năm do khoa Tâm lí và khoa SPKT cùng dạy với tổng số là 10 tiết, với nội dung chủ yếu về tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

---

Ngày nhận bài: 15/5/2012. Ngày nhận đăng: 15/9/2013.  
Liên hệ: Nguyễn Hoài Nam, e-mail: [namnh@hnue.edu.vn](mailto:namnh@hnue.edu.vn)

Sinh viên năm thứ hai được rèn luyện NVSP về kỹ năng viết, vẽ bảng do khoa SPKT phụ trách, và đi kiến tập hai tuần tại trường THPT của Hà Nội với mục đích học hỏi, tiếp cận các hoạt động của giáo viên ở trường phổ thông, chủ yếu là công tác chủ nhiệm lớp. Đa phần các em đi kiến tập về đều thấy rất yêu nghề và thích vì được nâng thêm vị thế, được gọi là “thầy cô giáo”. Với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh phổ thông (thường là lớp 10 còn khá ngoan) và gần gũi, nên giao tiếp của sinh viên với các em đều hầu như không có trở ngại, vả lại do chưa va chạm với kiến thức chuyên môn, nên phần lớn các em đều lạc quan với nghề.

Với năm thứ ba, hoạt động NVSP đã được gia tăng về cường độ và mở rộng hơn bao gồm hoạt động tập giảng trong 01 tuần NVSP, hoạt động thực tế dự giờ tại trường Thực nghiệm Nguyễn Tất Thành (công tác chuyên môn, sinh hoạt, tổ chức, nghe báo cáo của trường phổ thông) và 01 tháng thực tập sư phạm (TTSP) ở trường phổ thông, cùng với học phần bắt buộc về NVSP 01 tín chỉ. Trong năm học này các em đã trực tiếp tham gia vào các hoạt động NVSP, trực tiếp giải quyết các tình huống TTSP, và các mối quan hệ với học sinh, giáo viên và nhà trường phổ thông. Những khó khăn về chuyên môn, giao tiếp... những tác động của môi trường nhà trường và xã hội nảy sinh, khiến cho một số em bắt đầu cảm thấy hoang mang, suy nghĩ về nghề không còn đẹp như năm thứ hai.

Sinh viên năm thứ tư tham gia 06 tuần TTSP ở trường trung học phổ thông (THPT). Đây là những trường hầu hết các em đã TTSP ở năm thứ ba, nội dung chủ yếu là chương trình *Công nghệ lớp 10 và 11*. Ngoài ra, sinh viên còn bắt buộc phải hoàn thành một trong hai học phần tự chọn 02 tín chỉ là: “Thực hành phương pháp dạy học Công nghệ” và “Kỹ năng dạy học Công nghệ”. Trong tuần lễ NVSP, sinh viên được học về sử dụng phương tiện dạy học để nâng cao chất lượng bài dạy ở trường Trung học phổ thông. Về cơ bản, sinh viên được trang bị khá nhiều kiến thức cần thiết và liên quan, cùng với kinh nghiệm thu nhận được từ năm thứ hai và năm thứ ba, giúp các em thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên tốt nhất [1].

## **2.2. Những bất cập trong hoạt động NVSP của sinh viên SPKT**

Hoạt động NVSP nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn cho sinh viên để đảm nhiệm tốt ba vai trò chính: giáo viên, chủ nhiệm lớp, hướng đạo sinh (tư vấn và tổ chức các hoạt động, gần tương tự vai trò của chuyên trách đoàn) tại trường THPT.

Như trên đã phân tích, ba vai trò này bắt đầu thể hiện ở năm thứ ba, và tập trung chủ yếu ở năm thứ tư, khi sinh viên đứng trên bục giảng. Thực tế ở nhiều trường phổ thông, giáo viên hướng dẫn và giáo viên chủ nhiệm lớp hầu như giao toàn quyền cho sinh viên đứng lớp (vì thực tế môn Công nghệ cũng không được coi trọng chú ý). Lợi điểm là các em được cọ xát nhiều về chuyên môn, về công tác chủ nhiệm và tổ chức các hoạt động, gần gũi với học sinh phổ thông. Điểm bất lợi là nhiều em cảm thấy quá tải cả về chuyên môn lẫn những công việc khác, nhất là khi thiếu sự tận tình hướng dẫn của giáo viên, đồng thời mối quan hệ xã hội với trường sở tại và môi trường gặp khó khăn...

Trong khi đi dự giờ TTSP của sinh viên năm thứ tư ở trường phổ thông, mặc dù được nghe một số giáo viên hướng dẫn và giáo viên chủ nhiệm khen sự năng động của sinh viên SPKT, song chúng tôi nhận thấy các em vẫn còn gặp nhiều lúng túng trong chuyên môn, cụ thể là thiếu sự liên hệ, cập nhật với những thông tin kỹ thuật gần gũi trong cuộc sống sản xuất và công nghệ, đa phần vẫn bám chủ yếu vào nội dung trong sách giáo khoa (SGK), bởi có lẽ các em còn thiếu sự chuẩn bị và thực tế. Các giáo sinh mới chỉ chuẩn bị được những hình, tranh vẽ tĩnh, và vẫn còn tâm lí e ngại khai thác phương tiện dạy học có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin (CNTT) (mặc dù được sự khuyến khích của giáo viên hướng dẫn và trường thực tập). Do vậy tính sinh động của những tư liệu bằng phim ảnh thực tế, kể cả hình 3D bị hạn chế, làm giảm bớt sự hứng thú của học sinh và tạo ra sự khó khăn trong khi mô tả cơ chế hoạt động của đối tượng, ví dụ động cơ... dẫn tới hiệu quả giờ dạy bị giảm sút. Các hình thức tổ chức hoạt động dạy và học còn đơn điệu, chủ yếu vẫn là thuyết trình xen lẫn câu hỏi phát vấn, ít tổ chức các hoạt động nhóm, trò chơi học tập hay các hoạt động dự án... để kích thích sự sáng tạo của học sinh. Rất tiếc do chưa có điều kiện dự giờ làm công tác chủ nhiệm của giáo sinh, nên chúng tôi không thể phân tích và đưa ra ý kiến xác đáng.

Mặc dù kết quả đợt TTSP hàng năm đều được các giáo viên THPT đánh giá cao, song nếu muốn tăng cường hơn nữa hiệu quả TTSP của sinh viên SPKT, một mặt để giúp các em giáo sinh tự tin, giải quyết khó khăn, mặt khác tạo hứng thú cho học sinh phổ thông với môn công nghệ, theo chúng tôi cần có những giải pháp cần thiết.

## **2.3. Một số giải pháp tăng cường chất lượng NVSP cho sinh viên SPKT**

### **2.3.1. Tăng cường chuẩn bị các hoạt động NVSP cho SV ngay từ năm thứ nhất**

Năm thứ nhất, sinh viên SPKT chủ yếu học các môn cơ bản, thời gian hoạt động NVSP rất ngắn, chỉ gói gọn 10 tiết, với nội dung tập viết vẽ bảng và nghe giảng lí thuyết, nếu chưa được chuẩn bị, tạo điều kiện rèn luyện thì khả năng diễn đạt, giao tiếp rất hạn chế. Chúng tôi đã gặp trường hợp có em sinh viên năm thứ nhất rất lúng túng khi được hỏi vì không biết diễn đạt như thế nào hoặc diễn đạt mà người khác không hiểu ý mình. Để khắc phục hạn chế này, theo chúng tôi có mấy giải pháp như sau:

+ Giải pháp thứ nhất: tăng cường “hỏi đáp”, trong khi dạy, sử dụng biện pháp tăng tính tích cực hóa hoạt động bằng cách yêu cầu sinh viên phải trả lời câu hỏi, nhận xét ý kiến để tạo điều kiện cho các em được tập cách phản biện, trả lời, diễn đạt.

+ Giải pháp thứ hai: trao quyền chủ động cho sinh viên. Vì theo học chế tín chỉ, thời gian dành cho các hoạt động tự học khá lớn, nên giảng viên có thể lựa chọn những kiến thức không phải trọng tâm hoặc những kiến thức đọc thêm giao cho sinh viên chuẩn bị ở nhà, và trình bày trước lớp. Giảng viên có thể xây dựng sẵn cấu trúc của một bài trình bày và yêu cầu sinh viên chuẩn bị (ít nhất trước 1 tuần), hướng dẫn SV trình bày bảng. Trong tiết học đó, sinh viên phải tự tổ chức hoạt động ở trên lớp, thuyết trình và tương tác với các bạn khác đóng vai học sinh đang nghe giảng. Giảng viên yêu cầu các em thuyết trình

phải có những câu hỏi, các em sinh viên ngồi dự cũng phải có những câu hỏi, nhận xét, đánh giá về bài trình bày của bạn mình.

Giảng viên sẽ là người cuối cùng nhận xét, giải đáp các câu hỏi, đánh giá phần trình bày của sinh viên cùng những ý kiến khác. Điểm đánh giá có thể là một điểm thành phần hoặc cộng với điểm bài tập hoặc bài kiểm tra thành phần để thành điểm thành phần chính thức của sinh viên.

Qua hình thức tổ chức này chúng tôi nhận thấy lợi điểm là tạo sự tự tin cho SV, có sự tranh luận giữa các SV, tạo ra môi trường học tập rất sôi nổi. SV chủ động tìm hiểu bài để chiếm lĩnh tri thức.

Nhược điểm của hình thức này là chỉ SV được nhận nhiệm vụ chuẩn bị, những SV khác thì thờ ơ. Thậm chí có SV được giao chuẩn bị thì chuẩn bị qua quýt, cốt đối phó. Khi tìm hiểu vấn đề chúng tôi nhận thấy một số em có tâm lý chưa ổn định: học tại khoa đường như chỉ là giải pháp tạm thời trong khi vẫn đang lo giải bộ đề để ôn thi lại trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng tiếp theo, do vậy không toàn tâm toàn ý chú ý tới việc học tập. Một số SV khác thì chịu khó tìm tư liệu trên internet, nhưng không phải ai cũng có máy tính để chuẩn bị nội dung đa phương tiện và máy chiếu nên bài trình bày còn hạn chế về sự hấp dẫn và tính trực quan, sinh động, dẫn tới việc SV khác khó quan sát. Một số SV cho rằng gặp khó khăn khi hiểu và hệ thống lại kiến thức do bạn khác trình bày.

Để khắc phục hiện trạng này, theo chúng tôi cần tăng cường kiểm tra, duyệt sự chuẩn bị của SV trước khi SV thực hiện bài trình bày trước lớp (trước 1 tuần); có hình thức trừ điểm hoặc cho điểm thấp với SV có thái độ học tập không tốt (kể cả SV phải chuẩn bị bài trình bày hoặc không trình bày). Giảng viên cần phải phân tích, giúp SV có được kỹ năng phân tích, tư duy để giải quyết vấn đề, tránh hiện tượng học, nhớ máy móc.

+ Giải pháp thứ ba: yêu cầu SV tích cực giao tiếp, trình bày khi giải bài tập. SV không chỉ giải bài tập một cách máy móc mà phải biết cách trình bày bảng, tóm tắt các đại lượng, biết chuyển ngữ từ ngôn ngữ thông thường qua ngôn ngữ kí hiệu, và trình bày được quy trình giải bài tập cho các SV khác hiểu. Những SV ngồi nghe phải nhận xét, đánh giá những ưu nhược điểm của bạn và giảng viên là người đánh giá cuối cùng.

+ Giải pháp thứ tư: tăng cường các hoạt động nhóm với sự hỗ trợ của CNTT và truyền thông. Với hoạt động nhóm thông thường, SV tập làm quen và biết cách tổ chức các hoạt động nhóm, phân chia công việc của các thành viên để thực hiện một nhiệm vụ hoặc nhóm nhiệm vụ cụ thể mà giảng viên giao cho. SV cũng tập cách phản biện và bảo vệ quan điểm. Giảng viên giao nhiệm vụ và hướng dẫn, đôn đốc các nhóm làm việc. Cách đánh giá dựa trên 2 tiêu chí: cho điểm chung cả nhóm và theo tỉ lệ đóng góp công sức của từng thành viên. Việc tổ chức hoạt động nhóm có thể được thực hiện trong giờ hoạt động ngay trên lớp, hoặc giảng viên tổ chức giao một vấn đề cụ thể để nhóm làm việc theo dự án. Điểm lợi là SV có thể ứng dụng ngay vấn đề đã học lí thuyết để giải quyết một vấn đề cụ thể như thiết kế hay mô phỏng dụng cụ thí nghiệm hay một thiết bị nào đó, từ đó tăng cường sự hiểu biết, giúp SV có thêm kiến thức cũng như kỹ năng mềm.

Cùng với sự phát triển của CNTT và truyền thông, một lí thuyết học tập mới do George Siemens và Stephen Downes khởi xướng đang được đặc biệt quan tâm do phát huy cao độ tính chủ động của cá nhân, sự hợp tác trong việc tiếp thu, chia sẻ và xử lí tri thức chung để biến thành nguồn lực của cá nhân [2,3,4]. Hiện nay, ngoài việc tương tác trực tiếp, có rất nhiều hình thức cho phép các cá nhân chia sẻ, đóng góp, phản biện để xây dựng nguồn tri thức từ môi trường mạng Internet toàn cầu, dưới các dạng như tham gia vào mạng xã hội, blogs, wiki, hệ thống học tập trực tuyến... Trong bối cảnh đó, để tận dụng sức mạnh công nghệ và phát huy tính chủ động, cũng như kĩ năng mềm cho SV, giảng viên ngoài việc giao nhiệm vụ dưới dạng dự án phải hoạt động nhóm, có thể từng bước hướng dẫn sinh viên khai thác, trao đổi học tập và nghiên cứu qua việc khai thác mạng Internet, các phần mềm CNTT và phát huy tích cực của mạng xã hội (đa phần các sinh viên đều có tài khoản ở mạng xã hội như Facebook). Đồng thời, giảng viên từng bước sử dụng các công cụ khác hỗ trợ, ngoài thời gian giảng dạy và tổ chức hoạt động trực tiếp trên lớp. Bằng cách đó, không những SV có thể tích cực hóa, chủ động trong hoạt động học tập, mà còn khai thác được hiệu quả thời gian tự học.

### **2.3.2. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ kiến thức và kĩ năng cho SV**

Những giải pháp trên không những chỉ áp dụng cho SV năm đầu mà có thể triển khai với SV các khóa tiếp theo. Trong khi rèn luyện NVSP, với vai trò là một giáo sinh, sinh viên cần có kiến thức vững vàng và những kĩ năng cần thiết để ứng dụng vào bài dạy sao cho hiệu quả. Điều đó đòi hỏi SV cần tìm hiểu, phân tích thấu đáo nội dung trong SGK và có những tiếp xúc thực tế để khai thác mặt kĩ thuật và ứng dụng, đặc biệt với môn Công nghệ. Khởi gợi sự hứng thú tìm hiểu, ham thích về mặt kĩ thuật không chỉ tác động tới học sinh phổ thông trong một bài dạy cụ thể mà còn có thể hướng các em có năng khiếu hay năng lực nhất định tới những công việc, ngành nghề liên quan tới kĩ thuật mà xã hội đang rất cần. Bằng cách này giáo sinh SPKT sẽ rèn luyện được năng lực hướng nghiệp, kết hợp trong dạy học bộ môn. Vì thế việc thành lập CLB Kĩ thuật là nơi tổ chức các hoạt động liên quan tới kĩ thuật công nghệ, bao gồm cả việc tổ chức tham quan học tập thực tế là điều hết sức cần thiết. Bên cạnh đó những kĩ năng mềm xử lí các tình huống sư phạm, các giao tiếp xã hội trong môi trường nhà trường nơi SV sắp thực tập giảng dạy và làm công tác chủ nhiệm, chuyên trách đoàn hội cũng không thể thiếu. Bài toán này có lời giải khi CLB Nghiệp vụ Sư phạm được thành lập và là nơi tổ chức mọi hoạt động có liên quan, bao gồm cả việc mời báo cáo viên từ bên ngoài, hoạt động NVSP dưới nhiều hình thức, như là sân khấu hóa, trò chơi kiến thức...

Với SV năm cuối, trong thời gian trước khi thực tập, nên chăng có những hoạt động chuẩn bị khai thác sâu về chuyên môn phục vụ phần chương trình giảng dạy (ví dụ như phần động cơ trong chương trình *Công nghệ 11*...).

Để có cái nhìn khái quát và chính xác hơn về hoạt động NVSP của SV ở trường phổ thông, giảng viên dự giờ nên bố trí thời gian dự giờ SV thực tập công tác chủ nhiệm, ngoài việc dự giờ giảng của SV.

Đối với SV hệ liên thông chính quy, không phải em nào cũng có thời gian được rèn luyện NVSP khi là giáo viên phổ thông THCS hoặc khi là sinh viên hệ cao đẳng, trung cấp. Cá biệt có những em chưa từng qua các lớp học NVSP. Thời gian học tập trung tại cơ sở đào tạo ngắn, thời gian dành cho hoạt động NVSP càng ngắn hơn nên chắc chắn kết quả TTSP sẽ bị ảnh hưởng. Vì thế khoa SPKT và trường ĐHSP Hà Nội cần nghiên cứu quy chế, chương trình và nội dung để tổ chức cho các đối tượng SV này được rèn luyện NVSP càng sớm, càng nhiều, càng tốt.

### **3. Kết luận**

Việc nghiên cứu các giải pháp để tăng cường năng lực hoạt động NVSP của SV SPKT là rất cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và thương hiệu của khoa SPKT nói riêng và trường ĐHSP Hà Nội nói chung. Để thực hiện các giải pháp này, cần sự nỗ lực của nhiều phía: lãnh đạo nhà trường và khoa tạo điều kiện và cơ chế để thực hiện, giảng viên và sinh viên phát huy tính chủ động sáng tạo và thực hiện tốt nhiệm vụ. Bằng cách đó, nhất định chất lượng NVSP sẽ được cải thiện.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Trường ĐHSP Hà Nội, 2012. *Chương trình khung và chi tiết ngành SPKT*.
- [2] Downes, S., 2012. *Connectivism and Connective Knowledge* (ver 1.0-May 19, 2012). Essays on meaning and learning networks. From [http://www.downes.ca/files/Connective\\_Knowledge-19May2012.pdf](http://www.downes.ca/files/Connective_Knowledge-19May2012.pdf)
- [3] Siemens, G., 2004. *Connectivism: A learning theory for the digital age*. International Journal of Instructional Technology and Distance Learning. From: <http://www.elearnspace.org/Articles/connectivism.htm>
- [4] Siemens, G., 2006. *Connectivism: Learning Theory or Past Time of the Self-Amused?* [http://www.elearnspace.org/Articles/connectivism\\_self-amused.htm](http://www.elearnspace.org/Articles/connectivism_self-amused.htm)

#### **ABSTRACT**

##### **Ways to improve the quality of pedagogy for students of the Faculty of Technical Education**

The quality of pedagogy at HNUE and FTE is well known around the world. Along with analyzing the current status of pedagogy of FTE students, the article recommends ways to improve the quality of pedagogy.